

Số: 344/QĐ-ĐHKT-ĐT

Hà Nội, ngày 19 tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố mức điểm nhận hồ sơ xét tuyển đại học hình thức chính quy Đợt 1 năm 2024 đối với phương thức xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2024 và phương thức thi tuyển kết hợp với xét tuyển

CHỦ TỊCH HĐQTS TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC HÀ NỘI

Căn cứ Quyết định số 217/QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 28 tháng 3 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường ĐH Kiến trúc Hà Nội ban hành Đề án tuyển sinh trình độ đại học hình thức chính quy năm 2024;

Căn cứ Kế hoạch tuyển sinh trình độ đại học hình thức chính quy năm 2024 của Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội;

Căn cứ kết quả chấm thi năng khiếu thuộc Kỳ thi tuyển sinh trình độ đại học hình thức chính quy năm 2024 của Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội và điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2024 của thí sinh;

Căn cứ kết luận cuộc họp ngày 19 tháng 7 năm 2024 của Ban xét tuyển và Hội đồng tuyển sinh trình độ đại học hình thức chính quy năm 2024;

Xét đề nghị của Thường trực Hội đồng tuyển sinh trình độ đại học hình thức chính quy năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định mức điểm nhận hồ sơ xét tuyển đại học hình thức chính quy (Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào) Đợt 1 năm 2024 của Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội đối với phương thức xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2024 và phương thức thi tuyển kết hợp với xét tuyển như sau:

TT	Mã xét tuyển	Nhóm ngành/Ngành	Mã ngành	Tổ hợp xét tuyển	Mức điểm nhận hồ sơ
1	Nhóm ngành 1 (xét tuyển theo nhóm ngành)				
1.1	KTA01	Kiến trúc	7580101	V00: Toán, Vật lý, Vẽ mỹ thuật V01: Toán, Ngữ Văn, Vẽ mỹ thuật V02: Toán, Tiếng Anh, Vẽ mỹ thuật (Điểm Vẽ mỹ thuật nhân hệ số 2,0)	22,0
1.2		Quy hoạch vùng và đô thị	7580105		22,0
1.3		Quy hoạch vùng và đô thị (Chuyên ngành Thiết kế đô thị)	7580105_1		22,0
2	Nhóm ngành 2 (xét tuyển theo nhóm ngành)				
2.1	KTA02	Kiến trúc cảnh quan	7580102	V00: Toán, Vật lý, Vẽ mỹ thuật V01: Toán, Ngữ Văn, Vẽ mỹ thuật V02: Toán, Tiếng Anh, Vẽ mỹ thuật (Điểm Vẽ mỹ thuật nhân hệ số 2,0)	22,0
2.2		Chương trình tiên tiến ngành Kiến trúc	7580101_1		22,0
3	Nhóm ngành 3 (xét tuyển theo nhóm ngành)				
3.1	KTA03	Thiết kế thời trang	7210404	H00: Ngữ văn, HHMT, BCTT màu H02: Toán, HHMT, BCTT màu	18,0
3.2		Điều khắc	7210105		18,0

4	Nhóm ngành 4 (xét tuyển theo nhóm ngành)				
4.1	KTA04	Kỹ thuật cấp thoát nước	7580213	A00: Toán, Vật lý, Hóa học A01: Toán, Vật lý, Anh văn D01: Toán, Ngữ văn, Anh văn D07: Toán, Hoá học, Anh văn	17,0
4.2		Kỹ thuật cơ sở hạ tầng (Chuyên ngành Kỹ thuật hạ tầng đô thị)	7580210		17,0
4.3		Kỹ thuật cơ sở hạ tầng (Chuyên ngành Kỹ thuật môi trường đô thị)	7580210_1		17,0
4.4		Kỹ thuật cơ sở hạ tầng (Chuyên ngành Công nghệ cơ điện công trình)	7580210_2		17,0
4.5		Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	7580205		17,0
	Các ngành (xét tuyển theo đơn ngành)				
5	7210403	Thiết kế đồ họa	7210403	H00: Ngữ văn, HHMT, BCTT màu	18,0
6	7580108	Thiết kế nội thất	7580108	H02: Toán, HHMT, BCTT màu	18,0
7	7580201	Kỹ thuật xây dựng (Chuyên ngành Xây dựng dân dụng và công nghiệp)	7580201	A00: Toán, Vật lý, Hóa học A01: Toán, Vật lý, Anh văn D01: Toán, Ngữ văn, Anh văn D07: Toán, Hoá học, Anh văn	19,0
8	7580201_1	Kỹ thuật xây dựng (Chuyên ngành Xây dựng công trình ngầm đô thị)	7580201_1		17,0
9	7580201_2	Kỹ thuật xây dựng (Chuyên ngành Quản lý dự án xây dựng)	7580201_2		19,0
10	7510105	Công nghệ kỹ thuật vật liệu xây dựng	7510105		17,0
11	7580302	Quản lý xây dựng	7580302		A00: Toán, Vật lý, Hóa học A01: Toán, Vật lý, Anh văn C01: Toán, Ngữ văn, Vật lý D01: Toán, Ngữ văn, Anh văn
12	7580302_1	Quản lý xây dựng (Chuyên ngành Quản lý bất động sản)	7580302_1	18,0	
13	7580302_2	Quản lý xây dựng (Chuyên ngành Quản lý vận tải và LogisticS)	7580302_2	18,0	
14	7580302_3	Quản lý xây dựng (Chuyên ngành Kinh tế phát triển)	7580302_3	18,0	
15	7580301	Kinh tế Xây dựng	7580301	18,0	
16	7580301_1	Kinh tế Xây dựng (Chuyên ngành Kinh tế đầu tư)	7580301_1	18,0	
17	7480201	Công nghệ thông tin	7480201	A00: Toán, Vật lý, Hóa học A01: Toán, Vật lý, Anh văn D01: Toán, Ngữ văn, Anh văn D07: Toán, Hoá học, Anh văn	19,0
18	7480201_1	Công nghệ thông tin (Chuyên ngành Công nghệ đa phương tiện)	7480201_1		19,0

Trong đó, mức điểm nhận hồ sơ xét tuyển là tổng điểm các môn trong tổ hợp xét tuyển và điểm ưu tiên; Thí sinh ĐKXT các ngành năng khiếu phải có điểm thi năng khiếu đạt yêu cầu về điểm tối thiểu

Điều 2. Hội đồng Tuyển sinh đại học hệ chính quy năm 2024 và thí sinh đăng ký xét tuyển đại học hệ chính quy năm 2024 vào Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội bằng phương thức xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2024 và phương thức thi tuyển kết hợp với xét tuyển chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH HĐQTS

Nơi nhận:

- Bộ GDĐT (để b/c);
- Bộ Xây dựng (để b/c);
- Như Điều 2 (để t/h);
- Các đơn vị liên quan (để t/h);
- Đăng website Trường;
- Lưu VT, ĐT.

(Đã ký)

PGS.TS.KTS. Lê Quân